

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 14/2023/HNST ngày 05 tháng 01 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Ông Võ Thế D, sinh năm 1988

- Bà Lê Thị Khánh N, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Số 40 Đường 20, KDC H, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Võ Thế D và bà Lê Thị Khánh N qua thời gian tìm hiểu được 01 năm thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 35/11, Quyền số 01 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh N cấp ngày 07/10/2011).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Cả hai đã cùng nhau khắc phục nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Hiện nay, ông Võ Thế D và bà Lê Thị Khánh N xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Võ Thế D và bà Lê Thị Khánh N cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Võ Thế D và bà Lê Thị Khánh N xác nhận có 03 con chung họ tên là:

1. Võ Phúc T (nam), sinh ngày 24/4/2012
2. Võ Phúc H (nam), sinh ngày 05/4/2016
3. Võ Phúc K (nam), sinh ngày 26/01/2020

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn, ông D là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Võ Phúc T và trẻ Võ Phúc H, bà N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Võ Phúc K. Không bên nào cấp dưỡng bên nào.

Ông Võ Thế D và bà Lê Thị Khánh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông Võ Thế D và bà Lê Thị Khánh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Võ Thế D và bà Lê Thị Khánh N xác nhận không có.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Võ Thế D và bà Lê Thị Khánh N phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Thế D và bà Lê Thị Khánh N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 35/11, Quyền số 01 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh N cấp ngày 07/10/2011).

1.2. Về con chung: Ông Võ Thế D và bà Lê Thị Khánh N xác nhận có 03 con chung họ tên là:

1. Võ Phúc T (nam), sinh ngày 24/4/2012
2. Võ Phúc H (nam), sinh ngày 05/4/2016
3. Võ Phúc K (nam), sinh ngày 26/01/2020

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn, ông Võ Thế D là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Võ Phúc T và trẻ Võ Phúc H, bà Lê Thị Khánh N là người

trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Võ Phúc K. Không bên nào cấp dưỡng bên nào.

Ông Võ Thế D và bà Lê Thị Khánh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Võ Thế D và bà Lê Thị Khánh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Võ Thế D và bà Lê Thị Khánh N xác nhận không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Võ Thế D và bà Lê Thị Khánh N phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số AA/2021/0015368 ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông D và bà N đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.7, TPHCM;
- C/c THADS Q.7, TPHCM;
- C/q đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thúy).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy